

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-10-2020

V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thế Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đỗ Hữu P** - sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn H1, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Mỹ H** - sinh năm 1998.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H1, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Kamishunbetsu, Bekkai-cho, Notsuke-gun, Hokkaido, Nhật Bản.

(Anh P và chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng thì nguyên đơn anh Đỗ Hữu P yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung với chị Trần Thị Mỹ H và trình bày cụ thể như sau:

Anh P và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2015 nhưng chưa đăng ký kết hôn do chị H chưa đến độ tuổi kết hôn. Đến ngày 02/10/2017, anh và chị H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh P từ năm 2015. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân là do vợ chồng hay ghen tuông nhau và cũng do chị H chưa biết cách cư xử trong gia đình, nhiều khi thiếu tôn trọng anh và bố mẹ anh. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, đến đầu năm 2018 chị H đưa con trở về nhà bố mẹ để sống, sau đó anh đã đón con về. Đến tháng 8/2019, chị H đi lao động tại Nhật Bản mà không bàn bạc gì với anh. Từ khi chị H về nhà bố mẹ để ở, anh và chị H không còn tình cảm, không còn trách nhiệm với nhau trong cuộc sống, chị H chỉ thỉnh thoảng liên lạc để hỏi tình hình của con. Đến nay, anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Đỗ Hữu H2, sinh ngày 08/7/2015, hiện do anh đang nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Tại văn bản trình bày ý kiến trong vụ án ly hôn đề ngày 18/8/2020 của chị Trần Thị Mỹ H gửi đến Tòa án, chị H trình bày:**

Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống giữa chị và anh P như anh P trình bày là đúng. Do anh chị đều còn trẻ, lại sớm có con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Đầu năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị đã xin phép bố mẹ chồng đưa con về nhà bố mẹ để chị sinh sống. Tháng 8/2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, khi chị đi không bàn bạc với anh P. Trước khi đi Nhật Bản, chị đã gửi con về cho anh P nuôi dưỡng. Từ khi chị đi nước ngoài, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chỉ thỉnh thoảng liên lạc để hỏi thăm tình hình của con. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc, nên chị đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Đỗ Hữu H2, sinh ngày 08/7/2015 hiện do anh P nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đồng ý để anh P nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Vì điều kiện đang đi lao động nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia giải quyết vụ án, chị H đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Đỗ Hữu P được ly hôn chị Trần Thị Mỹ H; Về quan hệ con chung: Đề nghị xử giao con chung Đỗ Hữu H2, sinh ngày 08/7/2015 cho anh Đỗ Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Anh P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án anh Đỗ Hữu P xin ly hôn chị Trần Thị Mỹ H theo thủ tục chung, anh P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ. Anh P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn - chị Trần Thị Mỹ H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án, chị H cũng đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh P cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Đỗ Hữu P và chị Trần Thị Mỹ H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Hữu P và chị Trần Thị Mỹ H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn ngày 02/10/2017.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống hòa thuận, sau đó đã sớm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị còn trẻ tuổi, chưa biết điều chỉnh cách ứng xử với nhau và với các thành viên khác trong gia

đình. Mâu thuẫn căng thẳng nên đầu năm 2018, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Đến tháng 8 năm 2019, chị H đi lao động tại Nhật Bản. Cũng từ đó, anh chị chấm dứt mọi mối quan hệ với nhau. Điều đó đã chứng tỏ anh chị không còn tình cảm và không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn của anh P và chị H đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của anh P, xử cho anh P được ly hôn chị H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh P và chị H có 01 con chung, hiện do anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con chung của anh chị cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh P, chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Hữu P được ly hôn chị Trần Thị Mỹ H.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Đỗ Hữu H2, sinh ngày 08/7/2015 cho anh Đỗ Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh P, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Đỗ Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh P đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009812 ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh P, chị H. Anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình